

QUYẾT ĐỊNH CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào biên bản hoà giải thành ngày 10 tháng 7 năm 2024 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án dân sự thụ lý số: 22/2024/TLST-DS ngày 09 tháng 01 năm 2024 về việc: “tranh chấp hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất”.

XÉT THẤY:

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hoà giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận giữa các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:

- *Nguyên đơn*: Ông **Nguyễn Văn P**, sinh năm: 1963

Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm: 1964

Cùng địa chỉ: số 131, ấp Bến Đò, xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

- *Bị đơn*: bà **Lê Thị T**, sinh năm: 1954.

Địa chỉ: ấp 4, xã Phong Năm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

Ông **Cao Công T**, sinh năm 1955.

Địa chỉ: ấp Cầu Hoà, xã Phong Năm, huyện Giồng Trôm, Bến Tre.

Ông **Ngô Bé C**, sinh năm: 1982.

Bà **Nguyễn Ngọc T**, sinh năm 1982.

Cùng địa chỉ: tổ 10, ấp 1, xã Tân Hào, huyện Giồng Trôm, Bến Tre.

Ông **Phạm Minh M**, sinh năm: 1973.

Bà **Võ Thị Kim L**, sinh năm 1972.

Cùng địa chỉ: ấp Phú Thạnh, xã Phú Thuận, huyện Bình Đại, Bến Tre.

Bà **Phan Thị H**, sinh năm 1971.

Địa chỉ: 240 ấp Hoà Trung, xã Sơn Hoà, huyện Châu Thành, Bến Tre.

Người đại diện theo uỷ quyền của bà Phan Thị H:

Ông Nguyễn Văn Ph, sinh năm 1976.

Địa chỉ: khu phố 5, thị trấn Mỏ Cày, huyện Mỏ Cày Nam, tỉnh Bến Tre.

Bà **Nguyễn Thị T**, sinh năm 1983.

Địa chỉ: 601 ấp Phong Quới, xã Phong Nẫm, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1 Huỷ hợp đồng chuyển quyền sử dụng đất đối với thửa đất số 372, tờ bản đồ số 25, diện tích 2.465,8 m², tọa lạc tại xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre, được ký kết giữa Nguyễn Văn P, Nguyễn Thị T với Lê Thị T đã được Công chứng viên Nguyễn Văn M thuộc Văn P công chứng Nguyễn Văn M công chứng hợp đồng số 154, quyền số 02/TP/CC-SCC/HĐGD ngày 21/01/2019.

2.2 Ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị T có nghĩa vụ liên đới trả cho bà Phan Thị H số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng.

Kể từ ngày bản án có hiệu lực pháp luật (đối với các trường hợp cơ quan thi hành án có quyền chủ động ra quyết định thi hành án) hoặc kể từ ngày có đơn yêu cầu thi hành án của người được thi hành án (đối với các khoản tiền phải trả cho người được thi hành án) cho đến khi thi hành án xong, tất cả các khoản tiền, hàng tháng bên phải thi hành án còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự năm 2015.

2.3 Bà Phan Thị H có nghĩa vụ chuyển quyền sử dụng đất cho ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị T thửa đất số 372, tờ bản đồ số 25, diện tích 2.465,8m², tọa lạc tại xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

Việc trả tiền và thực hiện chuyển quyền sử dụng đất được thực hiện song song.

Ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị T được quyền liên hệ với cơ quan nhà nước có thẩm quyền để làm thủ tục xin cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất.

Kiến nghị cơ quan có thẩm quyền thực hiện thủ tục theo quy định pháp luật để ông Nguyễn Văn P, bà Nguyễn Thị T được cấp giấy chứng nhận quyền sử dụng đất thửa đất số 372, tờ bản đồ số 25, diện tích 2.465,8m², tọa lạc tại xã Mỹ Thạnh, huyện Giồng Trôm, tỉnh Bến Tre.

4. Về án phí:

Ông Nguyễn Văn P và bà Nguyễn Thị T tự nguyện chịu án phí không có giá ngạch 150.000 (một trăm năm mươi nghìn) đồng đối với yêu cầu huỷ hợp đồng chuyển nhượng quyền sử dụng đất, án phí không có giá ngạch của số tiền 200.000.000 (hai trăm triệu) đồng là 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng, tổng cộng là 2.650.000 (hai triệu sáu trăm năm mươi nghìn) đồng. Tuy nhiên, ông P thuộc trường hợp người cao tuổi nên được miễn nộp án phí. Bà T phải chịu án phí là 1.325.000 (một triệu ba trăm hai mươi lăm nghìn) đồng nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí đã nộp là 300.000 (ba trăm nghìn) đồng theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0002453 ngày 01/11/2023 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Giồng Trôm, bà T còn phải nộp 1.025.000 (một triệu không trăm hai mươi lăm nghìn) đồng.

Bà Phan Thị H tự nguyện chịu án phí dân sự sơ thẩm là 2.500.000 (hai triệu năm trăm nghìn) đồng và còn phải nộp đủ số tiền này.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

4. Quyết định này được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- Các đương sự;
- VKSND huyện Giồng Trôm;
- Chi cục THADS huyện Giồng Trôm;
- TAND tỉnh Bến Tre;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Lê Thị Hồng Đang